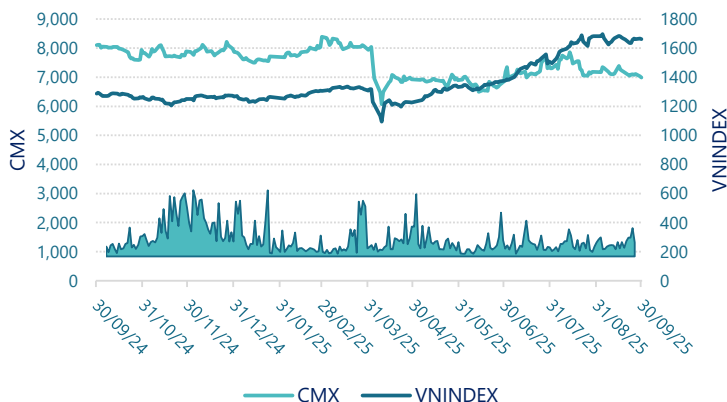




CTCP Camimex Group (HSX: CMX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,990
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,070
SL cổ phiếu LH	101,898,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	208,620
% sở hữu nước ngoài	18.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	712
P/E	8.5
EPS	823

DT thuần

Q3/25

716

tỷ VNĐ

QoQ: ▼263 | -26.9%

YoY: ▲200 | 38.7%

LN sau thuế

Q3/25

32.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲15.9 | 93.8%

YoY: ▲0.40 | 1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.5%

+/- YoY: ▼0.9%

DT thuần

9T 2025

2,234

tỷ VNĐ

YoY: ▲236 | 11.8%

LN sau thuế

9T 2025

80.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲22.0 | 37.4%

ROE

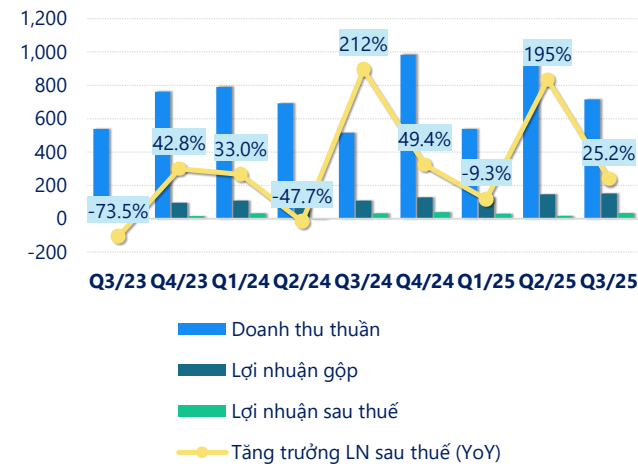
Q3/25

5.1%

+/- YoY: ▲1.3%

tỷ VNĐ

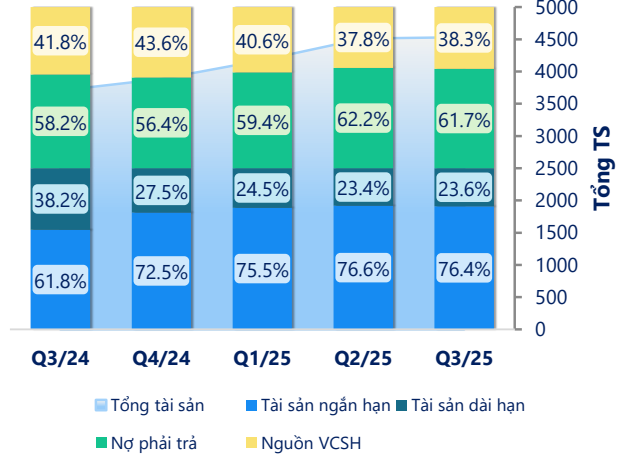
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

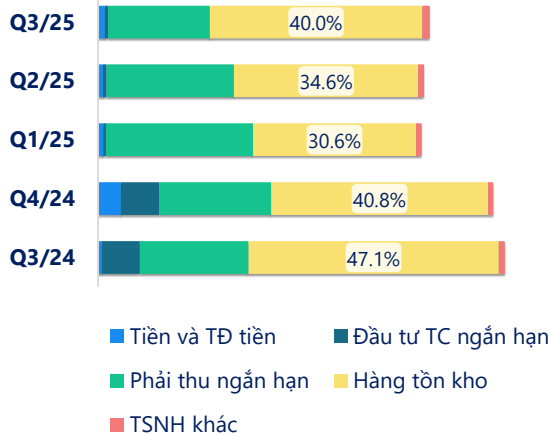
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



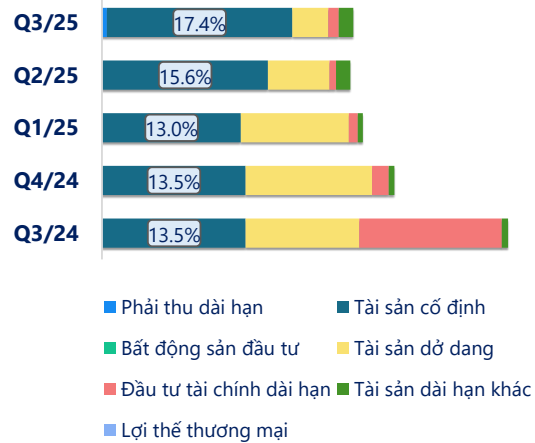
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

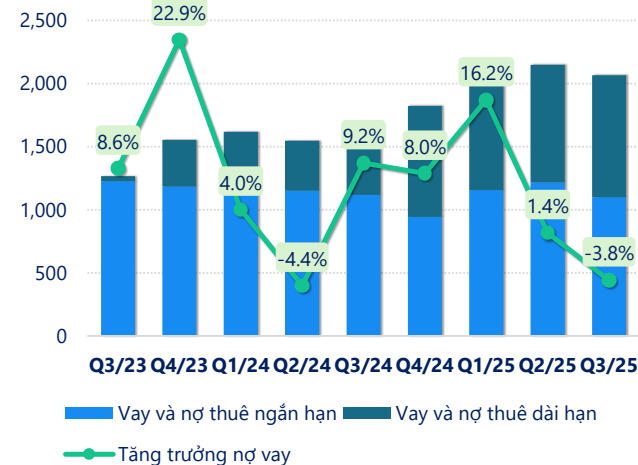
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

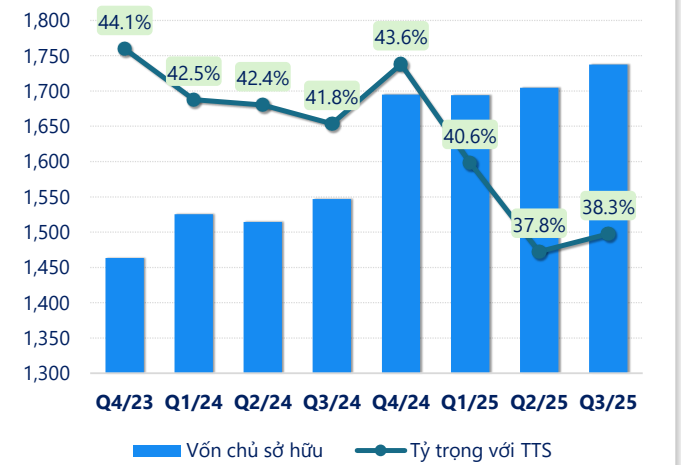
Nợ vay



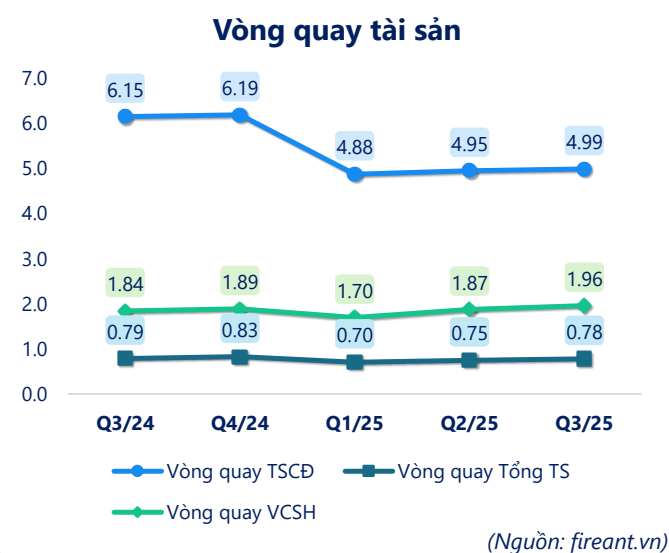
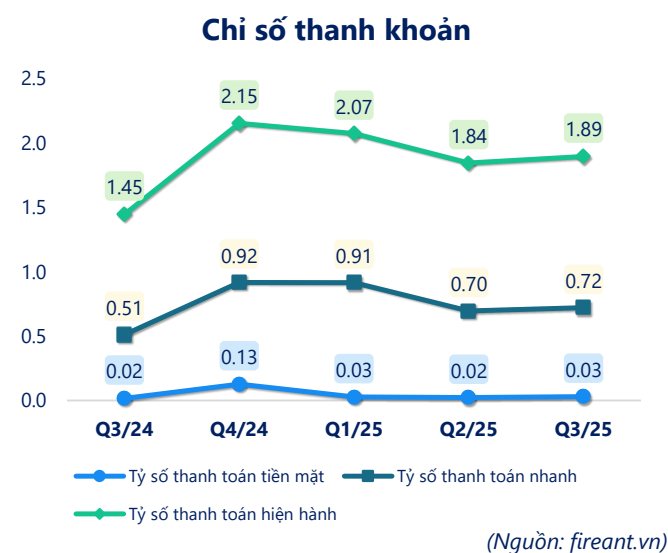
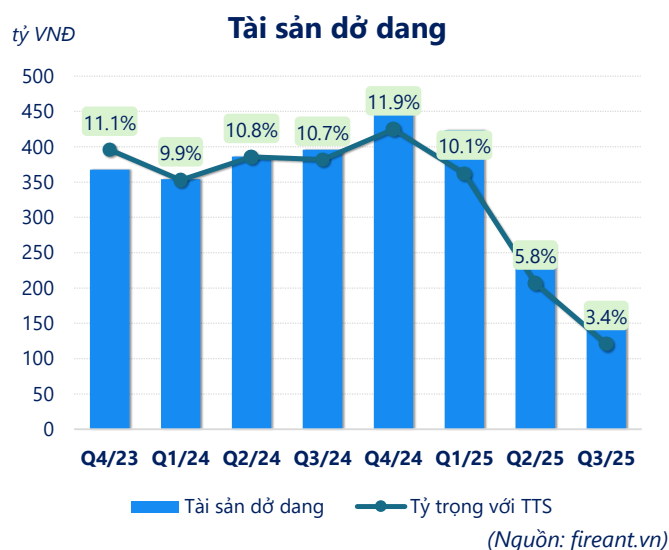
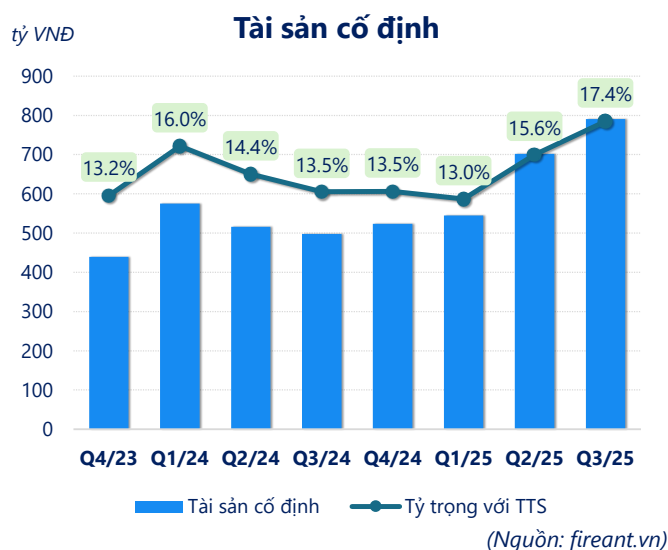
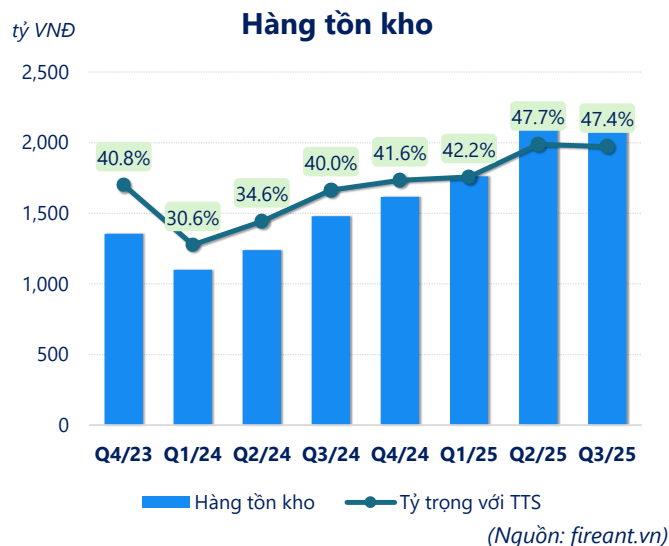
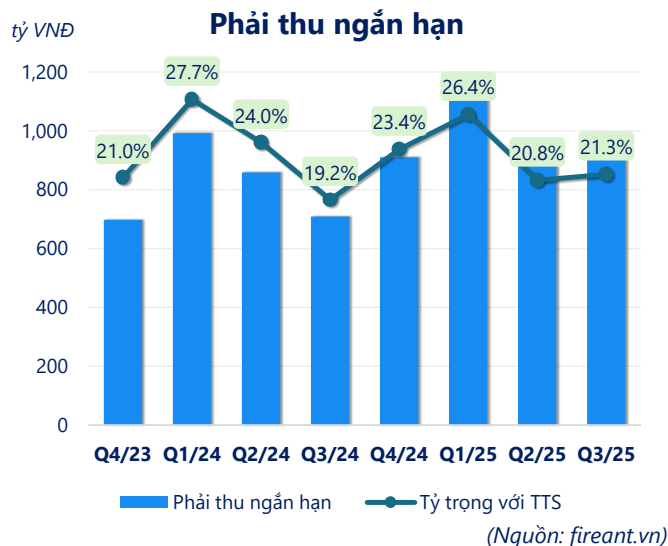
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,702	3,884	4,177	4,511	4,532
Tài sản ngắn hạn	2,289	2,816	3,152	3,457	3,461
Tiền và tương đương tiền	25.7	166	41.3	42.1	55.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.0	74.7	190	271	220
Phải thu ngắn hạn	709	910	1,102	938	966
Hàng tồn kho	1,480	1,616	1,762	2,152	2,146
Tài sản ngắn hạn khác	50.9	48.7	56.3	53.0	72.2
Tài sản dài hạn	1,413	1,068	1,025	1,054	1,072
Phải thu dài hạn	2.23	1.03	1.13	2.08	20.9
Tài sản cố định	498	523	545	702	791
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	396	462	424	261	153
Đầu tư tài chính dài hạn	496	61.3	35.1	28.5	44.5
Tài sản dài hạn khác	20.8	20.1	20.1	60.8	62.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,156	2,189	2,483	2,806	2,794
Nợ ngắn hạn	1,584	1,309	1,521	1,875	1,826
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,117	943	1,156	1,217	1,098
Phải trả người bán ngắn hạn	303	179	130	449	389
Nợ dài hạn	571	880	962	931	968
Vay và nợ thuê dài hạn	571	879	961	931	968
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,547	1,695	1,694	1,705	1,738
Vốn chủ sở hữu	1,547	1,695	1,694	1,705	1,738
Vốn điều lệ	1,019	1,019	1,019	1,019	1,019
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)